

Hoa Kỳ Quyết Định ĐỀ CHO MIỀN BẮC XÂM LĂNG MIỀN NAM

Tác giả: Vanuxem, cựu Trung Tướng Quân Lực Pháp.
Phỏng dịch: Cựu Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa.



Người Trung Hoa có một câu châm ngôn: “Thất trận rồi người ta mới đếm xác chết và mới đi tìm người trách nhiệm.” Phản ứng của người dân, thường hay trút hết trách nhiệm cho người lãnh đạo hoặc cho người lính chiến. Tại Việt Nam thì cả hai đều có phần trách nhiệm của mình, nhưng cả hai đều không thể làm gì hơn được với hai bàn tay trắng vì đã bị người ta tước hết khí giới từ lâu! Việt Nam là một nước nông nghiệp nên không thể sản xuất vũ khí được, do đó trong cuộc chiến, cả hai bên miền Nam và miền Bắc đều bắt buộc phải nhận sự viện trợ quân sự từ bên ngoài. Do vậy,

người ta thường nói rằng chỉ cần chấm dứt viện trợ ngoại quốc cho cả hai bên Nam và Bắc thì ngọn lửa chiến tranh ở Việt Nam sẽ yếu dần và đi đến chỗ tàn lụi ngay, cuộc chiến đương nhiên phải chấm dứt. Nhưng cũng có người chỉ đứng về một phía, đã khẳng định quá đơn phương, và khiếm diện rằng chỉ cần người Mỹ, hay đúng hơn là đế quốc Mỹ như người ta đã cáo buộc, chấm dứt mọi viện trợ kinh tế và quân sự cho miền Nam Việt Nam, là miền Bắc sẽ chấm dứt cuộc chiến tranh này trong chiến thắng. Và đó là những điều đã xảy ra trên thật tế.

Người ta đã từng cho rằng chiến tranh ở Việt Nam không phải là một cuộc nội chiến giữa miền Nam và miền Bắc, vì nếu giữa người Việt với nhau thì không chóng thì chầy họ đã có thể đạt được một sự thỏa thuận nào đó với nhau rồi. “Nhưng đây là một cuộc chiến tranh giữa các siêu cường” Nhưng đây là một cuộc chiến tranh giữa các siêu cường quốc, mượn tay người Việt Nam (hay sinh mạng người Việt Nam cũng thế) và ngay trên lãnh thổ Việt Nam, để so tài hơn thua cao thấp với nhau, ngăn chặn nhau không cho bên nào bành trướng thêm ra hơn nữa, vì hai bên không thể trực tiếp đối đầu với nhau được, tránh bị tổn thất nặng có thể đi đến chỗ tiêu diệt lẫn nhau. Có điều là cả hai bên đều nuôi dưỡng một mối thù hằn mà nguyên nhân không phải xuất phát từ nước Việt Nam và nước Việt Nam cũng không có gì để mà thiết tha quan tâm đến.

Hoa Kỳ thì “ngăn chặn” Khối Cộng Sản thì “xâm chiếm, bành trướng”

Người ta có thể thấy được rất rõ là Nga và Trung Quốc vẫn không bao giờ che dấu tham vọng xâm chiếm toàn cầu của họ theo đúng hướng chiến lược đã hoạch định trước rất rõ ràng, và nếu Hoa Thịnh Đốn chỉ bo bo theo sách lược “tạo uy tín và bành trướng kinh tế” thì chiến lược đó của Hoa Kỳ hoàn toàn nằm trong thế thủ, bị động. Đặc biệt là ở Á Châu, Hoa Kỳ nhất nhất theo thuyết “ngăn chặn” các bước tiến của Cộng Sản. Do vậy mà trên mảnh đất đầy hình ảnh đau thương và tàn khốc của cuộc chiến, người ta đã “đóng khuôn” cho miền Nam Việt Nam trong nhiệm vụ phòng thủ thụ động, và các đồng minh lớn của họ không bao giờ muốn cho họ đi ra ngoài khuôn khổ nhiệm vụ đó, trong khi bộ đội Bắc Việt thì được tung ra trên khắp cả 3 nước Đông Dương, từ Lào, Cam Bốt đến Miền Nam Việt Nam, ẩn hình dưới danh nghĩa của lực lượng cách mạng Pathet Lào, Khmer đỏ, và Việt Cộng, để rồi cuối cùng họ cũng phải bỏ cái mặt nạ của họ ra, hiện “nguyên hình” là quân xâm lăng Bắc Việt, là kẻ chiến thắng, để tiến vào Sài Gòn. Tuy trận tấn công vào tỉnh lỵ Phước Long vào tháng 1-75 của bộ đội Bắc Việt là một cuộc tấn công có giới hạn (mà phía Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa một phần vì sợ bị nhử vào bẫy có thể bị hao quân và mất thêm chiến cụ, một phần cũng không có đủ lực lượng để đối phó được với một loại tấn công qui mô như vậy, nên không có phản ứng đối kháng mạnh, nhưng họ cũng thu lượm được quá đủ bằng cứ để chứng minh với những ai còn chút nghi ngờ, là “Hoa Kỳ không còn can thiệp vào chiến cuộc nữa”. Và như vậy là Bắc Việt cho tiến hành ngay cuộc tổng tấn công mùa xuân với đầy đủ bảo đảm trong một sự an toàn tuyệt đối.

Rõ ràng là Hoa Kỳ đã khuyến khích Bắc Việt bằng thái độ im lặng và quá thụ động của họ sau vụ tấn công quan trọng vi phạm rất nặng và rất trắng trợn “Hiệp Định Paris 1973 về Ngừng Bắn và Tái Lập Hòa Bình ở Việt Nam”. Thật ra, Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa đã được báo động về thái độ “bất can thiệp” này của Hoa Kỳ từ lâu rồi. Trong những tháng 1, 2, và 3-75, đã có nhiều nghị sĩ dân biểu Hoa Kỳ đến thăm Việt Nam và đã từng xác nhận với Tổng Thống Thiệu là “viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng Hòa trong

những ngày sắp tới sẽ rất là mong manh trong may rủi”. Mĩa mai thay, viện trợ này trước đó đã được Tổng Thống Hoa Kỳ là ông Nixon long trọng tuyên hứa với Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa!!!

Những cuộc vận động của Hoa Kỳ



Tại Guam, Tổng Thống Nixon đã công bố kế hoạch 5 điểm trong sách lược yểm trợ Thế Giới Tự Do của Hoa Kỳ, chính yếu là “cây dù nguyên tử” và viện trợ đầy đủ vô điều kiện cho tất cả mọi quốc gia dân tộc nào chứng minh có quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự do của mình.

Hiệp Định Paris 1973, cuối cùng rồi cũng được Tổng Thống Thiệu bằng lòng ký tên vào, vì ông không còn có khả năng từ chối thêm lần thứ hai, dù đó chỉ là trong cung cách ngoại giao thôi, nhưng với những lý lẽ vững chắc mà ông đưa ra trước khi ký, Tổng Thống Nixon đã phải đích thân nhận chịu trách nhiệm chẳng những bằng lời nói mà còn cả trên giấy trắng mực đen

nữa:

“Hoa Kỳ sẽ cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam Cộng Hòa để giúp Việt Nam Cộng Hòa đương đầu với mọi biến cố mà vì không có thiện ý, Bắc Việt sẽ có thể không ngớt tạo ra sau này.”

Nếu trước kia Tổng Thống Nixon đã thật lòng đưa ra lời hứa chắc chắn như vậy, không có một hậu ý quanh co ngoằn ngoèo nào, thì sau đó với một anh chàng Kissinger mà ông chưa từng quen biết nhưng vì áp lực từ sự vận động của cánh Do Thái sau khi ông đắc cử, ông đã trở nên bớt nhiệt tình hơn nhiều đối với những gì mà ông đã long trọng cam kết với ông Thiệu.

Nhiều cuộc tranh luận gay gắt đã xảy ra trong những cuộc thăm viếng sau đó, và ông Thiệu đã phải can thiệp thẳng với Nixon để cho thơ từ công văn của ông, thường không được hồi âm, nay phải được tới tay ông Nixon mà không đi qua sự kiểm duyệt của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Dã tâm của Kissinger, một con người mà ai cũng cho là “bạn”, là “tri kỷ”, sau đó được phát giác tiết lộ ra là: xuyên qua một đệ tam nhân, ông đã có những lời hứa hẹn cũng như thi hành những cam kết không đồng nhất với từng nhân vật cùng có trách nhiệm trong công tác ngăn chặn bước tiến của Cộng Sản Bắc Việt trên bán đảo Đông Dương, như Hoàng Thân Souphana Phouma, Thống Chế Lon Nol và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Thế nhưng, vụ việc gây nhiều tai tiếng “Watergate” đã đưa Nixon ra khỏi Nhà Trắng đồng thời giết chết cả thân thể và sự nghiệp chính trị của ông ta, dẫn đến hậu quả tai hại là những gì ông Nixon đã cam kết, dù là trên giấy trắng mực đen, đã không còn một chút giá trị nào nữa. Và sau đó, vào tháng 8-1973, Thượng Viện Hoa Kỳ đã bỏ phiếu thuận cho tu chính án “Case-Church” nhằm cắt hết ngân khoản dành cho mọi viện trợ quân sự cho các quốc gia Đông Nam Á.

Cộng Sản tiến chiếm miền Nam qua hai cửa ngõ chính: Cam Bốt và Lào



Do vậy, việc Mỹ chánh thức hứa giúp thành lập và trang bị quân đội Cam Bốt với quân số 205,000 người phải được hủy bỏ.

Hình thành được việc này sẽ giúp cho Cam Bốt chẳng những có thừa khả năng dẹp được lực lượng Khmer Đỏ (tất cả cán bộ khung đều là bộ đội Bắc Việt) mà còn lập lại được trật tự trong nước, đuổi các sư đoàn Bắc Việt ra khỏi lãnh thổ Cam Bốt nữa, vì chính các đơn vị xăm lãng Bắc Việt này đã tạo ra không khí cách mạng bất ổn ở nông thôn Cam Bốt, sau đó Hoàng Thân Shianouk đã phải thoái vị và nước Cộng Hòa Khmer ra đời.

Điều đáng tiếc là ở Cam Bốt cao trào của giới trẻ mà người ta gọi là “những anh lính chiến giờ thứ 24” đang lên vùn vụt, trong số này có những sinh viên và học sinh lớp 5 lớp 6, tình nguyện

ra mặt trận, chiến đấu rất anh dũng bằng vũ khí tịch thu được của quân ngoại xâm Bắc Việt. Những người “Khmer Tự Do” này (Khmer Krom) đã học và tiêm nhiễm lịch sử Pháp, rất tự tin và đặt hết lòng tin vào lời hứa của Hoa Kỳ, đã nhất tề đứng dậy khi tổ quốc lâm nguy, y như người Pháp chúng ta trong những biến cố cách mạng trong lịch sử vậy. Trong lúc đó tại Thượng Viện Hoa Kỳ, nghị sĩ Fulright lại tuyên bố là cuộc chiến ở Cam Bốt là một “cuộc chiến vô đạo đức!” Với một ít ngân khoản vụn vặt du di được đầu đó, chánh phủ Hoa Kỳ “nhỏ từng giọt” giúp cho Cam Bốt, trong khi những sư đoàn Bắc Việt ồ ạt viện trợ đúng mức cho các đơn vị “Khmer Đỏ” đang thành lập, càng ngày càng lớn mạnh thêm lên. Do đó quân lực Cộng Hòa Khmer bị tiêu hao lần lần để đi đến sụp đổ, và ngày 1-4-75, Thống Chế Lon Nol phải “chạy” khỏi thủ đô

Cam Bốt, sau đó Phnom Penh bị thất thủ vào ngày 10-4-75. Cũng trong thời gian này, nỗ lực thành lập một chính phủ “liên hiệp 3 thành phần” tại Vương Quốc Lào bị thất bại và Cộng Sản Pathet Lào lên nắm chính quyền, tuyên bố không chấp nhận sự có mặt của người Mỹ tại đây.

Người ta thường hay nói chiến tranh ở Việt Nam chỉ là một cuộc nội chiến, rất hạn chế giữa người Việt và người Việt mà thôi. Nhưng đến cuối cùng sự thật cho thấy không phải như vậy. Cam Bốt là mục tiêu chủ yếu, là bản đạ quan trọng hàng đầu để từ đó Cộng Sản tiến chiếm miền Nam Việt Nam, và theo quan điểm từ đầu của Hà Nội thì mục tiêu không phải chỉ có miền Nam Việt Nam mà phải là toàn bộ bán đảo Đông Dương, vì đó mới là giấc mơ thật sự từ lâu của Hồ Chí Minh.

Việc chiếm giữ các tỉnh miền Đông của cả hai quốc gia Lào và Cam Bốt là chỉ nhằm dọn đường cho công tác tiếp vận của quân đội Bắc Việt. Sau khi Hiệp Định Paris 1973 được ký kết, trong thời gian hơn một tháng, hệ thống đường mòn thường gọi là “đường mòn Hồ Chí Minh” được họ cải tiến, mở rộng và trải đá suốt cả tuyến đường, để từ Hà Nội, Bắc Việt có thể đưa quân lính, chiến cụ, đạ được cũng như xăng nhớt, đến một nơi chỉ còn cách Sài Gòn dưới 100 cây số (Lộc Ninh) mà chỉ mất trên dưới có 5 ngày đường. Các sư đoàn Bắc Việt đóng quân thường xuyên dọc theo biên giới Lào và Cam Bốt, trên các cao điểm từ Bắc xuống Nam, từ đó lúc nào cũng sẵn sàng tấn công xuống Miền Nam Việt Nam, một lãnh thổ quá dài mà bề ngang quá hẹp, có đạ dưới 100 cây số tính từ miền núi xuống đến biển, nên thủ đô Việt Nam Cộng Hòa luôn bị đe dọa vì Sài Gòn chỉ cách biên giới Lào-Khmer không quá 100 cây số ngàn, cũng giống y như hiệp ước đình chiến 1919 của nước Pháp chúng ta đã “bị” để cho các đơn vị Đức đóng quân ở vùng Aisne và La Marne vậy.

Ngày 10-4 thủ đô Phnom Penh bị thất thủ, ở Vientiane thì một chính phủ Cộng Sản đã lên cầm quyền, trong khi Vùng I và Vùng II của Việt Nam Cộng Hòa cũng đã bị rơi vào tay Bắc Việt, như vậy Hà Nội được quá rảnh tay để sẵn sàng đưa quân tràn xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Hoa Kỳ sẽ không can thiệp nữa

Nhưng vẫn còn một yếu tố chưa biết rõ được: đó là phản ứng của Hoa Kỳ. Trước đó, ngày 21-3-75, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt), trong một bản tuyên bố, đã yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ chấm dứt tất cả mọi dính líu quân sự và mọi hành đạ can thiệp vào việc nội bộ của Miền Nam Việt Nam. Ngày 25-3-75, Tổng Thống Ford gửi đến Sài Gòn tướng Weyand, Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ. Tướng Weyand có vẻ thuận cho một hành đạ tiếp ứng tuy hơi muộn nhưng hữu hiệu bằng cách cho lệnh thiết lập hai cầu không vận Bangkok-Saigon và Manila-Saigon, để kịp tiếp vận cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 3-4-75, trong một cuộc họp báo, Tổng Thống Ford tuyên bố là ông sẽ không bỏ rơi Đông Nam Á. Ông nói không nhất thiết ông Thiệu phải rời khỏi chính quyền, nhưng ông cũng bảo đảm thêm rằng cho dù có một sự thay đạ nào đó của cấp lãnh đạ Việt Nam Cộng Hòa thì sự việc đó cũng không thay đạ được nỗ lực của Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Ngày 10-4-75, ngay lúc Phnom Penh thất thủ, trong bài diễn văn đạ trước Quốc Hội, Ông cho biết là ông có ý đạ tiếp tục cuộc chiến ở Việt Nam, và tiếp tục ủng hộ chính phủ Thiệu. Ông đề nghị với Quốc Hội một ngân khoản viện trợ quân sự 722 triệu đô la, và một ngân khoản viện trợ kinh tế là 250 triệu. Các nghị sĩ Stevenson, Humphrey, Jackson, Mc Govern và Kennedy đều chống lại đề nghị này. Gần như Quốc Hội Hoa Kỳ đã mặc nhiên bỏ rơi cả ông Ford. Thế là hết! Hoa Kỳ sẽ không can thiệp, và những quốc gia đã từng ký tên bảo đảm cho việc thi hành Hiệp Định Paris 1973 cũng giữ một sự im lặng hoàn toàn! Còn nước Pháp thì xuyên qua lời tuyên bố của Tổng Trưởng Ngoại Giao tại Dublin, trước một số ngoại trưởng phần đông đều không muốn chen sâu vào việc nội bộ của một nước khác, thì lại tỏ ý muốn thấy Tướng Thiệu rút lui, một điều rất trùng hợp với sự mong muốn của Cộng Sản Bắc Việt, vì dưới con mắt của họ Tướng Thiệu là biểu tượng của một tinh thần chống Cộng cực đạ, chống đến giọt máu cuối cùng.



Như vậy là thật sự Bắc Việt nay đã được rảnh tay trong hành đạ rồi. Họ đã được bảo đảm là Hoa Kỳ sẽ không còn can thiệp đạ nữa. Họ cũng đã thấy một sự tán thành ngầm của các nước khác, không những trong khối Cộng Sản mà còn có cả các quốc gia cấp tiến, tự do nữa, trong đó dĩ nhiên là có cả nước Pháp. Với tất cả mọi điều kiện thuận lợi chính trị và quân sự như thế, Bắc Việt quyết đạ cho tiến hành ngay “chiến đạ Hồ Chí Minh”, không cần phải mất thêm thời gian chờ thành lập một “chính phủ ba thành phần”, để nhanh chóng thôn tính cả bán đảo Đông Dương trên cả hai phương diện quân sự và chính trị.

Đúng như họ tuyên bố đây là một cơ hội ngàn năm mới chỉ có một lần !

Vậy liệu người ta có nghi ngờ là người Mỹ đã phản bội đồng minh ? Nhân vật chính yếu liên can trong nội vụ là Tổng Thống Thiệu, người biết rõ nhiều về những lời hứa hẹn, cam kết, và thi hành. Ông đã công khai nêu rõ trước dư luận mà Hoa Kỳ không dám có một tiếng trả lời, có chăng chỉ là những lời an ủi cam kết quá muộn màng của một mối tình bạn bè, một mối tình loại “qua đường!”

Ông Thiệu là người không muốn chơi trò người hùng, cũng không thích biểu tình hoan hô rầm rộ, nhưng rất nhạy cảm với lòng tin tưởng sâu đậm của đồng bào miền Nam, bây giờ vắn bài đã ngã ngũ, ông đã thua cả về chánh trị lẫn quân sự, nên ông quyết định phải rời quê hương mà ông đã từng hiến dâng tất cả. Với một tâm hồn chết lặng ông nói lên những lời từ biệt cuối cùng. Những lời lẽ thật cảm động của ông được truyền đi trên đài phát thanh làm cho những người dù cứng lòng đến đâu cũng phải nhỏ lệ, ngay những người đã từng muốn ông phải từ chức cũng vậy. Ông ra đi, mang theo sự tin yêu và lòng mến phục của dân chúng miền Nam mà từ đây không có ông, họ sẽ cảm thấy mất mát một cái gì ...

Đối với người Mỹ, ông đã có những sỉ vả thật dữ dội và nặng nề:

-Tôi đã nói với họ (Hoa Kỳ) rằng: Các ông muốn rút chân ra khỏi cuộc chiến ở Việt Nam trong danh dự, mà các ông đòi hỏi chúng tôi những điều thật vô lý không thể làm được chút nào. Đánh giặc mà viện trợ quân sự cứ nay bị cắt mai bị xén một bị cúp mãi như thế, thì có khác nào chỉ cho tôi mỗi ngày có 3 đồng mà bảo tôi phải ăn tiêu như một ông hoàng hay một người khách du lịch sang trọng! Các ông muốn chúng tôi hôm nay với một “xu ăn mày” phải làm được những gì mà ngày hôm qua các ông không sao làm được với ngân khoản 6 tỷ đô la ...! Tôi đã nói với họ rằng câu hỏi duy nhất hiện giờ là liệu Hoa Kỳ có quyết định giữ những gì mà Hoa Kỳ đã cam kết với Việt Nam Cộng Hòa hay không? Và liệu những lời nói và chữ ký của Tổng Thống Hoa Kỳ còn có chút giá trị gì nữa hay không!

Thế là quá rõ, Hoa Kỳ thật sự đã phản bội.....

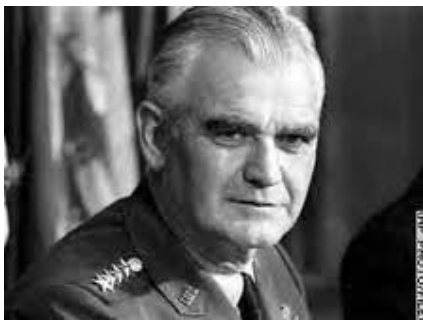
Ngạo mạn và ngu xuẩn, lưỡng viện Hoa Kỳ đã nói lên sự vui mừng của họ về sự từ chức của ông Thiệu, vì họ nghĩ nhờ đó sẽ có khả năng “đạt được một nền hòa bình nào đó trong thương lượng” với Cộng Sản, trong giới hạn một thời gian nào đó, “vời đường lối chánh trị mềm dẻo hơn, để làm giảm đi những chết chóc vô ích, và nhất là để bảo vệ cho những người Mỹ hiện còn tại miền Nam Việt Nam”. Nước Pháp cũng có một thái độ tương tự, vì hoàn toàn không nắm vững được tình hình và cũng vì quyền lợi của chính nước Pháp. Đối với Hoa Kỳ, trên thế giới này tất cả đều có thể bị mất hết, chỉ riêng có người công dân Mỹ, được coi như thần thánh, là không thể mất được.

Ngũ Giác Đài không chấp nhận như vậy.

Các cấp chỉ huy quân sự của Ngũ Giác Đài cũng như các cấp quân nhân đã từng tham chiến bên cạnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không đồng ý về những hành động của Hoa Kỳ, vì tình cảm gắn bó với người chiến hữu Việt Nam cũng như gắn bó với quốc gia này, giống như người Pháp chúng ta vậy. Họ có cố gắng thử giúp đỡ cho Việt Nam một cái gì đó, nhưng người ta đã ngăn cấm họ. Họ chỉ còn có một cách là cầu nhau, và sự hằn thù trong căm lặng này mãi mãi sẽ là một yếu tố của tình trạng phân hóa tại Hoa Kỳ.

Bốn năm trước đó, dựa theo bản tuyên ngôn Guam của Tổng Thống Nixon, Ngũ Giác Đài đã soạn thảo một quan niệm mới cho chiến lược ở Á Châu. Bây giờ thì bắt buộc họ phải duyệt xét lại để giảm bớt khả năng tiềm lực quân sự của Hoa Kỳ: đó là bỏ cả các căn cứ ở lục địa Á Châu và các quốc gia đồng minh “nhược tiểu”, dùng Nhật Bản và Úc Châu như những pháo đài phòng thủ cho lục địa Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương. Dầu sao, theo họ nói, đó là một quyết định cấp quốc gia mà họ là những người chịu trách nhiệm, không thể cưỡng lại được: “quân nhân chúng tôi trước quyết định như vậy không thể làm gì hơn là phải thi hành, dù dư luận Mỹ có cho rằng Hoa Kỳ không nên sửa đổi chiến lược như vậy.”

Hoa Kỳ đã không làm đúng lời hứa của họ. Họ đã phản bội những người mà chính họ đã đưa vào cuộc chiến, một cuộc chiến mà họ chẳng những phải tốn quá nhiều đô la mà còn phải hy sinh gần 60 ngàn quân nhân các cấp (chưa tính thương binh) để chỉ đem về một “con số không” to tướng. Nói như thế có gì quá đáng lắm không?



Tướng Westmoreland, cựu chỉ huy trưởng lực lượng Mỹ tại Việt Nam thì phát biểu có phần nào nhẹ lời hơn cho Hoa Kỳ, nhưng cũng đã quy trách nặng nề cho giới chánh trị về hành động làm mất hết danh dự của Mỹ: “Miền Nam Việt Nam phải chẳng không thể tránh được một sự chiến bại? Vâng, đúng như vậy. Nhưng chúng ta phải xét lại tình hình: Bắc Việt đã vi phạm hoàn toàn Hiệp Định Paris 1973, Hoa Kỳ

hoàn toàn bất lực trên phương diện chánh trị, và các quốc gia có nhiệm vụ bảo đảm việc thi hành Hiệp Định thì hoàn toàn im lặng không nhúc nhích.”

Người ta phải nhìn những cảnh cướp xe, hôi của, dọn sạch nhà cửa, phòng ốc hay kho tàng của người Mỹ tại Sài Gòn, thì mới thật sự thấy được mức độ thù ghét Hoa Kỳ của cả một dân tộc. Người ta phải nhìn cảnh ông Martin, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam lúc rời khỏi Việt Nam sau khi cho đi tản xong xuôi người Mỹ cuối cùng, thì mới thấy được cả một sự thẹn thùng nhục nhã của Hoa Kỳ trên nét mặt xanh xao như người chết của ông. Và người ta cũng phải nhìn thấy cảnh một người Việt Nam kéo lê bằng hai ngón tay lá cờ Mỹ to lớn của tòa Đại Sứ Mỹ để chìm xuống rạch những “50 sao và 13 vạch” mà người Mỹ thường hãnh diện. Tổng Thống Hoa Kỳ, Ông Ford, đã từng nói: “Chúng tôi không thể bỏ được những người bạn của chúng tôi.”

Nhưng nói là nói như vậy, mà họ lại không làm đúng như vậy!